TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 29/12/2025
V/v "Tranh chấp yêu cầu mở lối dẫn nước tưới tiêu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LAI CHÂU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Oanh.

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông Nguyễn Hữu Thức;

Ông Vương Huy Vượng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thuý Phượng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp yêu cầu khôi phục lại mương dẫn nước" giữa:

- Nguyên đơn: Bà Vàng Thị S, sinh năm 1987; địa chỉ: Bản Thào, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Thào A D, sinh năm 1977; địa chỉ: Bản Thào, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vàng Thị M, sinh năm 1963 (vắng mặt).

2. Anh Thào A Ch, sinh năm 2002 (vắng mặt).

3. Chị Thào Thị D, sinh năm 2005 (vắng mặt).

4. Bà Giàng Thị S, sinh năm 1978 (vắng mặt).

5. Anh Thào A C2, sinh năm 1996 (vắng mặt).

6. Anh Thào A C, sinh năm 1998 (vắng mặt).

7. Anh Thào A D1, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Đều trú tại địa chỉ: Bản Thào, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu.

- Người làm chứng:

1. Anh Tráng A S, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản Mít Nọi, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu.

2. Anh Thào A D1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản Thào, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu.

3. Anh Tráng A C3, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Bản Mít Thái, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu.

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông:* Chị Vàng Thị Nhia, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Hua Cưởm 1, xã Tân Uyên, tỉnh Lai Châu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vàng Thị S trình bày:

Gia đình bà Vàng Thị S và gia đình ông Thào A D đều có ruộng canh tác gần nhau ở bản Mít Nọi, xã Hố Mít, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu (nay là bản Mít Nọi, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu), phần đất ruộng trên là do bố chồng của bà S mua lại của ông Tráng A Cấu vào năm 2002 và cho vợ chồng bà S sử dụng. Trước đó, để dẫn nước tưới tiêu cho đất ruộng, ông Thào A Cấu đã khai phá 01 mương dẫn nước nối từ mương nước của ông Thào A Sếnh đào, đi qua đất của ông Tráng A Chu (ruộng của ông Chu nằm phía trên ruộng của ông Cấu theo hướng sườn dốc từ trên xuống) để dẫn nước về canh tác, mương nước có chiều dài khoảng 200m, chiều rộng khoảng 40cm, chiều sâu khoảng 40cm. Sau khi mua đất của ông Cấu thì gia đình bà S tiếp tục sử dụng mương nước trên để dẫn nước tưới tiêu. Sau này ông Tráng A Chu bán lại ruộng cho ông Thào A D thì bà S vẫn sử dụng mương nước trên để tưới tiêu, quá trình sử dụng mương nước trên không xảy ra tranh chấp gì. Tuy nhiên, năm 2019 thì ông Thào A D san lấp đất để canh tác nên đã lấp toàn bộ mương dẫn nước do ông Tráng A Cấu khai phá để dẫn nước từ trước và đã đào lại cho gia đình bà S 01 mương dẫn nước mới (cách vị trí mương dẫn nước cũ 1 đoạn), mương nước có chiều rộng khoảng 50cm, chiều sâu khoảng 30cm, chiều dài khoảng 60m đến 70m dẫn từ mương nước của ông Thào A Sếnh đi men theo bờ ruộng của ông Thào A D để về tưới tiêu cho ruộng của bà S. Quá trình sử dụng mương nước trên từ năm 2019 đến nay bà S và ông D không xảy ra tranh chấp gì, tuy nhiên từ tháng 05/2025 thì ông D đã phá lấp mương nước nói trên và không cho bà S lấy nước để tưới tiêu. Bà S đã khắc phục bằng cách lắp ống dẫn nước men theo ruộng nhà ông D để lấy nguồn nước tưới từ mương nước chung (do ông Thào A Sếnh đào đắp) về canh tác nhưng ông D vẫn không cho và chặt phá ống dẫn nước. Bà S đã làm đơn đề nghị bản, xã giải quyết nhưng ông D vẫn không cho bà S được lấy nước tưới tiêu dẫn đến bà S không sản xuất, canh tác được.

Vì vậy, bà Vàng Thị S đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc ông Thào A D phải khôi phục lại mương nước ban đầu có chiều dài khoảng 200m, chiều rộng khoảng 40cm, chiều sâu khoảng 40cm dẫn từ mương nước chính do ông Thào A Sếnh đào đi qua thửa ruộng của gia đình ông Thào A D tại bản Mít Nọi, xã Hố Mít, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu đến ruộng của bà Vàng Thị S. Quá

trình giải quyết vụ án, nhận thấy phần mương nước yêu cầu ông D khôi phục theo đơn khởi kiện ban đầu đã được ông D đã san lấp thành ruộng và đang cấy lúa, việc khôi phục lại mương nước sẽ ảnh hưởng đến việc trồng lúa của ông D. Do vậy, để thuận tiện cho việc tưới tiêu của các bên cũng như không ảnh hưởng đến việc trồng cấy của bị đơn, bà S đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà S yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Thào A D phải dành cho bà S một phần diện tích đất để bà S có thể lắp được một đường ống dẫn nước có chiều dài tổng 16,27m, chiều rộng 40cm nối từ tuyến mương nước chính do ông Thào A Sếnh đào (hiện do UBND xã Pắc Ta quản lý) đi qua đất của ông Thào A D nối đến điểm cuối là ruộng của bà Vàng Thị S tại bản Mít Nọi, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu để cho gia đình bà S có nước tưới tiêu phục vụ sản xuất. Về vị trí, chiều dài, chiều rộng cụ thể của phần diện tích đất bà S yêu cầu ông Thào A D cho đặt đường ống dẫn nước được thể hiện theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/7/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông Thào A D không đến Tòa án để làm việc. Tại đơn đề nghị gửi đến Toà án ngày 06/8/2025, ông Thào A D trình bày: Hộ gia đình ông Thào A D có ông Thào A D, bà Giàng Thị S (vợ), các con: Thào A C2, Thào A C, Thào A D1. Phần đất hộ gia đình ông D đang sử dụng có chủ cũ là ông Tráng A C3, sau này khi ông Cu bán lại đất thì chỉ có mương nước của ông Thào A Súa là ông nội đi qua, gia đình ông cũng đã hỏi lại ông Tráng A C3 thì ông Cu nói rằng trước đây không có mương dẫn nước nào đi qua đất và ruộng của gia đình ông D đã mua như bà S trình bày, chỉ có ông Thào A Súa có mương nước từ ngày xưa, vì vậy gia đình ông D không đồng ý với yêu cầu buộc gia đình ông phải mở đường dẫn nước cho bà Vàng Thị S.

* Kết quả xác minh tại UBND xã Pắc Ta thể hiện: Phần đất gia đình bà Vàng Thị S và gia đình ông Thào A D đang canh tác năm 2013 đã được quy chủ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Thào A Sùng gồm 04 thành viên: Ông Thào A Sùng (hiện đã chết), bà Vàng Thị M, sinh năm 1963; ông Thào A Ch, sinh năm 2002 và bà Thào Thị D, sinh năm 2005, đều có địa chỉ tại Bản Thào, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu. Năm 2023, phần đất trên được đo đạc quy chủ cho hộ ông Thào A D và hộ bà Vàng Thị S. Phần đất mà bà Vàng Thị S yêu cầu ông Thào A D cho đặt đường ống dẫn nước tại khu vực bản Mít Nọi, xã Pắc Ta hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Thào A Sùng vào năm 2013, tuy nhiên theo bản đồ đo đạc chính quy năm 2023 thì phần đất mà bà Vàng Thị S yêu cầu ông Thào A D cho bà S đặt đường ống dẫn nước thuộc thửa đất số 703, tờ bản đồ số 36 xã Hố Mít cũ (tờ bản đồ số 260 - số tờ bản đồ sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp), diện tích 682,3 m2, mục đích đất trồng cây hàng năm khác (NHK), chủ sử dụng là ông Thào A D. Hiện tại, hộ gia đình ông Thào A D đang trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất nêu trên.

Thửa đất ruộng của bà Vàng Thị S đang sử dụng có giáp với nguồn cung cấp nước tưới khác, nhưng do nằm ngay bên dưới đất ruộng của bà Vàng Thị S nên không có khả năng tưới bằng phương pháp tưới trọng lực cho diện tích canh tác. Bà Vàng Thị S không lấy nước tưới bằng phương pháp tưới trọng lực từ nguồn

cung cấp nước tưới khác ngoài mương nước tranh chấp hiện tại hoặc nước chia sẻ ruộng của ông Thào A D xuống.

** Người làm chứng Tráng A S, Thào A D1 đều trình bày:* Trước đây gia đình ông Tráng A Cấu (bố đẻ của anh Tráng A S) có sử dụng ruộng tại bản Mít Nọi (ruộng hiện tại bà S đang canh tác), sau đó ông Tráng A Cấu (đã chết) bán lại ruộng trên cho bố chồng của bà S, sau đó bố chồng bà S cho ruộng lại cho vợ chồng bà S sử dụng. Mương nước mà bà S yêu cầu ông D khôi phục có nguồn gốc là do ông Cấu khai phá để dẫn nước xuống ruộng, mương nước có chiều dài khoảng 50m đến 60m, chiều rộng khoảng 50cm, chiều sâu khoảng 30 cm, phần mương dẫn nước trên có điểm đầu nối với mương dẫn nước do ông Thào A Sếnh đào và đi qua phần đất của ông Tráng A Chu (anh ruột của ông Cấu). Quá trình sử dụng thì ông Cấu đã bán lại ruộng cho bố chồng bà S và sau đó bà S tiếp tục sử dụng mương nước trên để dẫn nước tưới ruộng, còn ông Tráng A Chu quá trình sử dụng cũng đã bán phần đất của ông Tráng A Chu cho ông Thào A D. Hộ ông Thào A D và bà Vàng Thị S cùng sử dụng mương dẫn nước trên để tưới tiêu, quá trình sử dụng không xảy ra tranh chấp gì. Tuy nhiên khoảng vài năm gần đây thì ông Thào A D đã san lấp mương nước nêu trên để làm thành ruộng nên bà S không có mương dẫn nước tưới vào ruộng. Bà S đã khắc phục bằng cách lắp ống dẫn nước để dẫn nước tưới đi qua ruộng của ông D để lấy nước tưới nhưng ông D không nhất trí và phá bỏ ống dẫn nước của bà S đã lắp. Ngoài việc lấy nguồn nước từ mương nước đang tranh chấp giữa bà Vàng Thị S và ông Thào A D thì bà S không còn nguồn nước nào khác có thể dẫn vào ruộng để tưới tiêu, sản xuất được.

** Người làm chứng Tráng A C3 trình bày:* Trước đây bố đẻ của anh Cu là ông Tráng A Chu (hiện đã chết) có 01 mảnh đất nương tại bản Mít Nọi, xã Hố Mít, tỉnh Lai Châu (nay là bản Mít Nọi, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu) và sau này ông Tráng A Chu đã bán lại mảnh đất nương trên cho ông Thào A D. Khi ông Chu còn sử dụng đất thì có sử dụng gần đất ruộng của ông Tráng A Cấu (ông Chu và ông Cấu là hai anh em ruột), đất của ông Chu ở trên và ruộng ông Cấu ở dưới, khi ông Cấu canh tác thì có dùng 01 mương nước dẫn từ mương nước do ông Thào A Sếnh đào đi qua nương của ông Tráng A Chu và nối xuống ruộng của ông Tráng A Cấu để tưới tiêu, nhưng quá trình sử dụng thì mương nước là không dẫn được nước chảy xuống nên không có nước để tưới ruộng, do đó ông Cấu đã bán lại ruộng cho bố chồng bà S là ông Thào A Này. Quá trình ông Này sử dụng có xin được nước dẫn từ mương của ông Thào A Sếnh về để tưới ruộng hay không thì anh Cu không rõ. Còn đối với mảnh đất nương của bố là Tráng A Chu thì năm 2004 đã bán cho ông Thào A D, quá trình ông D sử dụng về sau này thì anh Cu không biết. Ngoài việc lấy nguồn nước từ mương nước đang tranh chấp giữa bà Vàng Thị S và ông Thào A D thì bà S không còn nguồn nước nào khác có thể dẫn vào ruộng để tưới tiêu, sản xuất được.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vàng Thị M, anh Thào A Ch trình bày:*

Nguồn gốc của thửa đất mà hiện tại gia đình bà Vàng Thị S và ông Thào A D đang có tranh chấp về mương nước tại bản Mít Nọi, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu

là đất của người khác khai phá và bán lại cho bà Vàng Thị S, ông Thào A D sử dụng. Gia đình bà M có đất canh tác ở bản Mít Nọi nhưng không phải ở chỗ đất mà hiện nay bà S và ông D đang sử dụng, năm 2013 thì bà M và anh Ch đã thấy nhà bà S và ông D canh tác ở phần đất trên. Gia đình bà M có ruộng canh tác ở cách chỗ ruộng nhà bà S và ông D khoảng 200m, việc hộ gia đình bà M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phần diện tích ông D, bà S đang sử dụng thì bà M cũng không được biết vì bà M không có đất canh tác ở đó. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà S thì bà M và anh Ch đều không có ý kiến gì vì phần đất của bà S và ông D đang canh tác và sử dụng không phải phần đất của hộ gia đình bà Vàng Thị M.

* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thào Thị D, Giàng Thị S, Thào A C2, Thào A C, Thào A D1 đã được Toà án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không đến Tòa án để làm việc và không có ý kiến trình bày.

* Quá trình giải quyết vụ án bà Vàng Thị S có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ. Ngày 25/7/2025, Hội đồng tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, xác minh tại thực địa mương nước đang tranh chấp: Kết quả mương nước cũ mà bà Vàng Thị S yêu cầu ông Thào A D khôi phục lại có tổng chiều dài 26m, chiều rộng 40cm (hiện đã bị san lấp thành ruộng bậc thang và ông D đang cấy lúa). Phần đất mà bà Vàng Thị S yêu cầu ông Thào A D cho bà S đặt đường ống dẫn nước nằm gần vị trí mương nước cũ đã bị san lấp có điểm đầu nối từ tuyến mương chính (do ông Thào A Sếnh đào) đi qua đất của ông Thào A D nối đến điểm cuối là ruộng của bà Vàng Thị S, phần đất bà S yêu cầu ông D cho đặt đường ống dẫn nước hiện ông D không canh tác gì, trên đất chủ yếu là đá mấp mô xem lẫn với đất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lai Châu phát biểu quan điểm:

Căn cứ khoản 8 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228 Bộ luật dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 252; Điều 253 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Vàng Thị S về việc buộc bị đơn ông Thào A D phải dành cho bà Vàng Thị S 01 phần diện tích đất có chiều dài tổng 16,27m, chiều rộng 40cm có địa chỉ tại bản Thào, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu để bà Vàng Thị S đặt đường ống dẫn nước (vị trí cụ thể đặt đường ống dẫn nước được thể hiện theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ trích đo địa chính ngày 25/7/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu).

Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Thào A D phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trực tiếp tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Bà Vàng Thị S nộp đơn khởi kiện về việc: "*Yêu cầu khôi phục mương dẫn nước*", Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu đã tiến hành thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, bà Vàng Thị S có yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Thào A D phải dành cho bà S một phần diện tích đất để bà S có thể lắp được một đường ống dẫn nước dẫn nước tưới tiêu về ruộng của bà S. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là: "*Tranh chấp yêu cầu mở lối dẫn nước tưới tiêu*".

- Về thẩm quyền giải quyết: "*Tranh chấp yêu cầu mở lối dẫn nước tưới tiêu*" giữa bà Vàng Thị S và ông Thào A D, sinh năm 1977, trú tại bản Thào, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu theo quy định tại khoản 8 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

- Ngày 05/12/2025, Toà án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Thào A D và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thào Thị D, Giàng Thị S, Thào A C2, Thào A C, Thào A D1 đều vắng mặt không có lý do, những người làm chứng Thào A D1, Tráng A S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vàng Thị M, anh Thào A Ch có đề nghị giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Thào Thị D, Giàng Thị S, Thào A C2, Thào A C, Thào A D1 đều tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Thào A D, người làm chứng và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Gia đình bà Vàng Thị S và ông Thào A D có đất canh tác cạnh nhau tại bản Mít Nọi, xã Hố Mít, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu (hiện nay là bản Mít Nọi, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu). Phần đất bà Vàng Thị S đang canh tác có nguồn gốc do bố chồng của bà S là ông Thào A Này mua của ông Tráng A Cấu vào năm 2002, sau này ông Này cho lại vợ chồng bà S sử dụng. Phần đất mà ông Thào A D đang canh tác có nguồn gốc do gia đình ông D mua của ông Tráng A Chu vào năm 2004.

Kết quả xác minh tại UBND xã Pắc Ta thể hiện:

- Phần đất ruộng bà Vàng Thị S đang canh tác thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 06, diện tích 18.019.0m2, mục đích trồng cây hàng năm khác đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số BS008719 ngày 29/11/2013 chủ sử dụng đất là ông Thào A Sùng, thường trú tại bản Thào B, xã Hố Mít cũ. Theo bản đồ đo đạc chính quy, phần đất mà bà Vàng Thị S đang sử dụng thuộc các thửa đất

số 699/142,3m2; thửa số 719/688,6m2; thửa số 691/619,6m2; thửa số 684/794,7m2 thuộc tờ bản đồ số 36 xã Hố Mít cũ (tờ bản đồ số 260 sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp), tổng diện tích 2.245,2m2, mục đích trồng lúa 1 vụ, chủ sử dụng hiện nay đang quy chủ là bà Vàng Thị S.

- Theo bản đồ đo đạc thủ công năm 2013, phần đất mà bà Vàng Thị S yêu cầu ông Thào A D cho bà S đặt đường ống dẫn nước thuộc thửa đất số 13 tờ bản đồ số 6, diện tích 18.019,0 m2, mục đích đất trồng cây hàng năm khác (NHK) đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BS008719 ngày cấp 29/11/2013, chủ sử dụng đất là hộ ông Thào A Sùng thường trú tại bản Thào B, xã Hố Mít (cũ). Theo bản đồ đo đạc chính quy, phần đất mà bà Vàng Thị S yêu cầu ông Thào A D cho bà S đặt đường ống dẫn nước thuộc thửa đất số 703, tờ bản đồ số 36 xã Hố Mít cũ (tờ bản đồ số 260 - số tờ bản đồ sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp), diện tích 682,3 m2, mục đích đất trồng cây hàng năm khác (NHK), chủ sử dụng là ông Thào A D.

Như vậy, phần đất hiện tại bà Vàng Thị S và ông Thào A D đang quản lý, sử dụng vào năm 2013 đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BS008719 cho hộ ông Thào A Sùng (ông Sùng đã chết), tuy nhiên vợ, con của ông Sùng là bà Vàng Thị M và anh Thào A Ch đều trình bày gia đình ông Sùng không có đất canh tác tại vị trí được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Bên cạnh đó, bản đồ đo đạc chính quy năm 2023 thể hiện phần đất mà bà Vàng Thị S và ông Thào A D đang thực tế quản lý, sử dụng đã được quy chủ cho hộ bà Vàng Thị S và ông Thào A D. Quá trình bà S và ông D sử dụng đất không xảy ra tranh chấp đất giữa hai hộ gia đình cũng như với các hộ gia đình khác.

[2.2] Phần đất bà Vàng Thị S và ông Thào A D đang sử dụng là các thửa ruộng bậc thang nằm ven theo sườn núi dốc tại bản Mít Nọi, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu. Ruộng của ông Thào A D nằm phía trên men theo tuyến mương chính dẫn nước do ông Thào A Sếnh đào (tuyến mương chính này hiện đang do UBND xã Pắc Ta quản lý) và ruộng của bà Vàng Thị S nằm phía dưới ruộng của ông Thào A D. Do đặc thù là các thửa ruộng bậc thang nằm bám theo sườn núi dốc theo hướng từ trên xuống và mương nước chính thì nằm ở phía trên ruộng của ông Thào A D, nên để có nước canh tác, bà Vàng Thị S buộc phải dẫn nước từ mương nước chính đi qua phần đất của ông Thào A D để dẫn về tưới tiêu cho ruộng của mình. Trước đây bà S sử dụng mương nước do chủ đất cũ là ông Tráng A Cấu đào đi qua phần đất của ông Tráng A Chu (chủ sử dụng đất cũ của ông Thào A D) để dẫn nước tưới về ruộng, sau này ông D mua lại đất của ông Chu, quá trình sử dụng thì ông D san lấp thành ruộng và đã san lấp luôn mương nước này. Quá trình giải quyết vụ án ông D có đơn trình bày thực tế không có mương nước nào như bà S đã khai, tuy nhiên qua lấy lời khai của các chủ sử dụng đất cũ của ông D, bà S, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để xác định trước đây bà Vàng Thị S có sử dụng 01 mương nước nối từ tuyến mương chính đi qua phần đất của ông Thào A D dẫn xuống ruộng của bà Vàng Thị S, hiện tại mương nước nói trên đã bị ông Thào A D san lấp thành ruộng và đang cấy lúa.

[2.3] Bà Vàng Thị S khởi kiện yêu cầu ông Thào A D khôi phục lại mương dẫn nước, quá trình giải quyết vụ án bà S thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà S yêu cầu Toà án buộc ông Thào A D phải dành cho bà một phần diện tích đất của ông D để bà có thể lắp được một đường ống ngầm dẫn nước nối từ mương nước của ông Thào A Sếnh đi qua đất ông D xuống đến ruộng của bà để bà lấy được nước tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ông Thào A D không đồng ý mở lối dẫn nước cho bà Vàng Thị S. Xét thấy, Điều 252 và Điều 253 Bộ luật Dân sự quy định:

- *"Trường hợp do vị trí tự nhiên của bất động sản mà việc cấp, thoát nước buộc phải qua một bất động sản khác thì chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua phải dành một lối cấp, thoát nước thích hợp, không được cản trở hoặc ngăn chặn dòng nước chảy"*;

-*"Người có quyền sử dụng đất canh tác khi có nhu cầu về tưới nước, tiêu nước, có quyền yêu cầu những người sử dụng đất xung quanh để cho mình một lối dẫn nước thích hợp, thuận tiện cho việc tưới, tiêu; Người được yêu cầu có nghĩa vụ đáp ứng yêu cầu đó".*

Quá trình xác minh tại địa phương và xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Thửa đất ruộng của bà Vàng Thị S đang sử dụng có giáp với nguồn cung cấp nước tưới khác, nhưng do địa hình ruộng bậc thang dốc, nguồn nước khác nằm phía dưới đất ruộng của bà Vàng Thị S nên không có khả năng tưới (bằng phương pháp tưới trọng lực) cho diện tích canh tác. Việc đặt đường ống dẫn nước qua thửa đất của ông D là yếu tố bắt buộc do địa thế tự nhiên tạo ra (đất của ông D ở trên nằm men theo tuyến mương chính còn đất của bà S ở phía dưới). Bà Vàng Thị S không lấy nước (bằng phương pháp tưới trọng lực) từ nguồn cung cấp nước tưới khác ngoài mương nước tranh chấp hiện tại hoặc nguồn nước chia sẻ từ ruộng của ông Thào A D xuống. Vì hiện tại phần mương dẫn nước cũ ông D đã san lấp thành ruộng và đang cấy lúa, việc khôi phục lại mương nước sẽ ảnh hưởng đến việc trồng lúa của ông D. Hơn nữa sau khi ông D san lấp mương nước thì bà S đã khắc phục bằng cách lắp đặt đường ống dẫn nước nối từ mương nước chính đi qua ruộng của ông D về canh tác và đường ống dẫn nước trên đảm bảo lấy đủ nước tưới tiêu vào ruộng. Quá trình Toà án xem xét thẩm định tại chỗ xác định vị trí bà S đề nghị đặt đường ống dẫn nước đi qua phần đất của ông D là ngắn nhất, trên đất chủ yếu là đất đá lô nhô, ông D không trồng cấy gì trên đó nên việc đặt ống nước không gây ảnh hưởng gì đến việc sản xuất của ông D.

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Vàng Thị S đề nghị Toà án buộc ông Thào A D phải dành cho bà một phần diện tích đất của ông D để bà có thể đặt được một đường ống dẫn nước nối từ mương nước chính do UBND xã Pắc Ta quản lý đi qua đất ông D xuống đến ruộng của bà S để bà lấy được nước để tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Theo đó buộc ông Thào A D phải dành một phần diện tích đất để bà Vàng Thị S đặt đường ống ngầm làm đường ống dẫn nước có tổng chiều dài: 16,27 m; chiều rộng 40 cm theo sơ đồ trích đo địa chính kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/7/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu (có các số hiệu đỉnh thửa từ điểm 1-2; 2-5; 5-6; 6-1)).

Về chi phí liên quan đến việc lắp đặt đường ống dẫn nước: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Vàng Thị S đồng ý tự chịu toàn bộ chi phí này và cam kết sẽ trả lại mặt bằng, hiện trạng ban đầu trên đất của ông Thào A D.

Bà Vàng Thị S phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho ông Thào A D khi lắp đặt đường dẫn nước, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của Bà Vàng Thị S được chấp nhận, nên ông Thào A D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Bà S đã nộp tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.861.000 đồng nên buộc ông Thào A D phải trả lại cho bà Vàng Thị S số tiền này.

[4]. Nhận định đối với quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu: Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy có căn cứ để chấp nhận.

[5]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 252; Điều 253 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vàng Thị S. Buộc ông Thào A D phải dành một phần diện tích đất tại bản Mít Nọi, xã Pắc Ta, tỉnh Lai Châu có chiều rộng 0,4m, tổng chiều dài 16,27m nối từ tuyến mương nước chính do ông Thào A Sếnh đào (hiện nay tuyến mương chính đang do UBND xã Pắc Ta quản lý) đi qua phần đất của ông Thào A D đến điểm cuối là ruộng của bà Vàng Thị S để bà Vàng Thị S đặt đường ống dẫn nước. *(theo sơ đồ trích đo địa chính kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/7/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2 – Lai Châu (có các số hiệu đỉnh thửa từ điểm 1-2; 2-5; 5-6; 6-1)).*

Toàn bộ chi phí liên quan đến việc lắp đặt đường ống dẫn nước do bà Vàng Thị S chịu. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt đường ống dẫn nước thì bà Vàng Thị S có nghĩa vụ trả lại đúng hiện trạng ban đầu trên đất của ông Thào A D. Bà Vàng Thị S phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho ông Thào A D khi lắp đặt đường dẫn nước, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

[2] Về án phí: Bị đơn ông Thào A D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Nguyên đơn bà Vàng Thị S được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân

Uyên, tỉnh Lai Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Lai Châu) số tiền là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số: BLTU/23/0000998 ngày 10/6/2025.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Ông Thào A D phải hoàn trả cho Bà Vàng Thị S số tiền 3.861.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 2 – Lai Châu;
- Cơ quan THADS tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh